TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Tính Duyên khởi và Vô ngã trong Kinh Đế-thích sở vấn (DN21)

ISSN: 2734-9195 09:30 09/07/2026

Kinh Đế-thích sở vấn cho thấy hận thù, tranh chấp và bất an không phải là hiện tượng ngẫu nhiên, mà khởi lên từ một chuỗi duyên khởi của tâm, bắt đầu từ vọng tưởng, tầm, dục, ưa-ghét, rồi dẫn đến tật đố và xan tham.

Tóm tắt

Bài viết tiến hành phân tích giáo lý **duyên khởi** và tính chất **vô ngã** thông qua bản văn Kinh Đế-thích sở vấn (DN 21) thuộc Trường Bộ Kinh. Bằng phương pháp phân tích cấu trúc văn bản học, nghiên cứu làm rõ chuỗi nhân quả vận hành từ các trạng thái tâm vi tế là vọng tưởng, tầm, dục, ưa ghét cho đến sự hình thành của tật đố, xan tham cội rễ của các xung đột xã hội gây ra hận thù.

Bài viết chỉ ra con đường thực nghiệm thông qua việc phân loại cảm thọ, hộ trì sáu căn và thực hành biệt giải thoát luật nghi để đoạn tận tham ái, tiến tới tuệ giác vô ngã và đạt đến sự giác ngộ.

Từ khóa: Kinh Đế-thích sở vấn (DN 21), duyên khởi, vô ngã, tật đố, xan tham, vọng tưởng.

I. Dẫn nhập

Kinh Đế-thích sở vấn (Sakkapañha Sutta, DN 21) ghi lại cuộc đối thoại giữa đức Thế Tôn và Thiên chủ Sakka tại hang Indasāla, núi Vediya, làng Ambasaṇḍā, xứ Magadha. Trong bối cảnh xã hội còn bị chi phối bởi hận thù, xung đột và bất an, Thiên chủ Sakka cùng chư thiên Tam thập tam thiên đã đến yết kiến đức Phật để thỉnh hỏi về căn nguyên của tranh chấp cũng như con đường thiết lập đời sống an ổn cho chúng sinh.

Bản kinh không chỉ là một ghi chép về nội dung đối thoại tôn giáo, mà còn cho thấy chiều sâu phân tích tâm lý và **đạo đức** của giáo lý Phật giáo. Từ câu hỏi về nguồn gốc của hận thù, đức Phật đã chỉ ra mối liên hệ nhân duyên từ tật đố, xan tham, ưa ghét, dục, tầm và vọng tưởng. Qua đó làm nổi bật lập trường vô

ngã và duyên khởi của đạo Phật. Bản kinh vì thế có giá trị không chỉ đối với nghiên cứu giáo lý, mà còn đối với việc khảo sát những trạng thái tâm dẫn đến xung đột trong đời sống cá nhân và xã hội.

Bài viết này vận dụng phương pháp phân tích văn bản học, đối chiếu kinh văn và khảo sát cấu trúc lập luận để làm rõ tiến trình nhân duyên được trình bày trong kinh. Trên cơ sở đó, bài viết tập trung phân tích tính duyên khởi và vô ngã trong kinh, đồng thời chỉ ra ý nghĩa thực hành của bản kinh trong việc điều phục tâm bất thiện, hộ trì sáu căn và hướng đến giải thoát.

II. Nội dung

1. Các khái niệm liên quan

1.1 Tật đố (Issā) và xan tham (Macchariya)

Trong tâm lý học Phật giáo, tật đố và xan tham là hai tùy phiền não (Upakkilesa) thuộc căn tham, vận hành như những động lực vi tế thúc đẩy các xung đột hành vi.

Tật đố: "*Là trạng thái ganh tỵ, tật đố, không vừa lòng với phần hơn của người khác*"[2]. Bản chất của tật đố bắt nguồn từ sự so sánh, hệ quả của ngã mạn (Māna) khi "*cái tôi*" cảm thấy bị tổn thương. Như Kinh Pháp Cú (số 365) đã cảnh báo, tật đố hướng ngoại sẽ làm xáo trộn nội tâm, ngăn cản sự thành tựu của định tĩnh: "*Không khinh điều mình được, Không ganh người khác được. Tỷ-kheo ganh tị người, Không sao chứng thiền định*"[3].

Xan tham: "*(慳貪) Phạn: Mātsarya-rāga. Cũng gọi: Xan tham. Bỏn sẻn và tham lam. Tiếc tiền của không bố thí cho người và tham cầu không biết chán*"[4].

Kinh Tăng Chi Bộ: "*Này các Tỷ-kheo, có năm xan tham này. Thế nào là năm? . Xan tham trú xứ, xan tham gia đình, xan tham lợi dưỡng, xan tham tán thán, xan tham pháp*"[5]. Hễ còn tâm xan tham thì không giải thoát nổi.

1.2 Duyên khởi (Paṭiccasamuppāda) và vô ngã (Anattā)

Duyên khởi và vô ngã là hai mặt của một thực tại luận Phật giáo, đóng vai trò là lăng kính bản thể học để giải cấu trúc toàn bộ chuỗi phiền não.

Duyên khởi: "*(緣起) I. Duyên khởi. Phạn: pratìtyasamutpāda, Pāli: paticca-samuppāda. Âm hán: Bát lạt để đế dạ tham mâu bá đầu. Tất cả các pháp hữu vi đều do nhân duyên (các điều kiện) hòa hợp mà thành, lí này gọi là duyên khởi* "[6].

Duyên khởi là nền tảng then chốt của Phật giáo, chỉ quy luật vạn vật nương tựa vào nhau để sinh tồn và phát triển. Mọi sự vật, hiện tượng đều là kết quả của sự hội tụ nhiều yếu tố là nhân duyên. Định thức tổng quát của duyên khởi được đức Phật trình bày trong Kinh Trung Bộ: "*Nếu cái này có, cái kia có...Nếu cái này không có, cái kia không có*"[7].

Vô ngã: "*Vô ngã 無 我; S: anātman; P: anattā; Một trong, Ba tính chất (s: trilakṣaṇa) của sự vật. Quan điểm vô ngã là một giáo pháp cơ bản của đạo Phật, cho rằng, không có một Ngã (ātman), một cái gì trường tồn, bất biến, nhất quán, tồn tại độc lập nằm trong sự vật*"[8]. Trong Kinh Vô Ngã Tướng (Anattalakkhaṇa Sutta) đức Phật dạy: "*Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã... Thọ là vô ngã... Tưởng là vô ngã... Hành là vô ngã... Thức là vô ngã...*"[9]. Qua đó phân tích năm uẩn để chứng minh tính giả danh, vô chủ thể của con người.

Xét hai khái niệm này trong Kinh Đế-thích sở vấn cho thấy một tư duy nhất quán khi quán sát chuỗi phiền não vận hành theo duyên khởi, đồng thời thể nghiệm tính vô ngã của tâm thức, từ đó phá vỡ sự chấp thủ vào "*cái tôi*" đang chịu đựng hận thù hay tham ái.

2. Phân tích các luận cứ

2.1 Nguyên nhân của sự tranh chấp và hận thù

Trong Kinh Đế-thích sở vấn, đức Phật chỉ ra rằng hận thù không phát sinh một cách ngẫu nhiên, mà có nguyên nhân từ tật đố và xan tham.

Trích dẫn kinh: "*Do kiết sử tật đố và xan tham mà dân chúng của các loài thiên, nhân, asura, nāga, càn-thát bà và tất cả những loài khác... sống với nhau trong hận thù*"[10].

Đây là lời dạy của đức Phật, cho thấy hận thù là kết quả của một cơ chế tâm có điều kiện, chứ không phải là bản tính cố định của con người. Tật đố làm tâm không chấp nhận sự vượt trội của người khác, còn xan tham khiến tâm muốn giữ chặt lợi ích riêng. Khi hai tâm này cùng vận hành, tạo ra đối lập giữa "*ta*" và "*người*", từ đó dẫn đến xung đột.

Ở đây, tinh thần duyên khởi được thể hiện rất rõ là một trạng thái bất thiện không thể tự sinh, mà phải nương vào những điều kiện thích hợp. Hận thù phát sinh từ tật đố và xan tham; mà tật đố, xan tham lại không đứng riêng, chúng tiếp tục gắn với những điều kiện sâu hơn của tâm thức. Nhìn từ vô ngã, điều này có nghĩa là không có một "*cái tôi*" bất biến luôn sẵn hận thù, mà chỉ có các trạng thái tâm sinh diệt tùy duyên. Khi duyên bất thiện được nuôi lớn, hận thù

khởi lên, khi duyên ấy được chuyển hóa, hận thù cũng có thể chấm dứt. Vì vậy, bản kinh không nhằm quy kết con người, mà nhằm chỉ ra cơ chế để con người tự chuyển hóa.

Trong một tập thể, khi một người cảm thấy mình bị lép vế trước sự thành công của người khác, tâm ganh ghét dễ sinh ra, nếu tiếp tục bám chấp vào cái tôi, sự khó chịu ấy có thể biến thành lời nói hoặc hành vi đối kháng. Đây là một minh họa rõ cho sự vận hành của tật đố và xan tham.

Do đó, hận thù được nhìn là hiện tượng duyên sinh, không có tự tính cố định. Vì thế có thể được đoạn trừ bằng cách chuyển hóa các điều kiện tâm lý nền tảng.

2.2 Chuỗi duyên khởi của tật đố và xan tham

Sau khi chỉ rõ nguyên nhân trực tiếp của mọi xung đột là tật đố và xan tham, đức Phật đã chỉ ra một chuỗi nhân duyên: Tật đố và xan tham phát sinh từ ưa ghét; ưa ghét phát sinh từ dục; dục phát sinh từ tầm; tầm phát sinh từ vọng tưởng.

Trích nguyên văn kinh: "*Này Thiên chủ, tật đố, xan tham do ưa ghét làm nhân, do ưa ghét làm tập khởi... Ưa ghét có mặt thì tật đố, xan tham có mặt; ưa ghét không có mặt thì tật đố, xan tham không có mặt...Này Thiên chủ, ưa ghét do dục làm nhân,..., dục do tầm làm nhân,..., tầm lấy vọng tưởng làm nhân,...khiến tầm hiện hữu. Do các loại vọng tưởng có mặt thì tầm có mặt; Do các loại vọng tưởng không có mặt thì tầm không có mặt*"[11].

Đức Phật đã trình bày một chuỗi nhân quả tâm lý rất phù hợp:

Vọng tưởng → tầm → dục → ưa ghét → tật đố, xan tham → hận thù

Điều đáng chú ý là đức Phật phân tích phiền não như một tiến trình duyên sinh gồm nhiều mắt xích nối tiếp nhau.

Đây là một mô hình duyên khởi rất tinh tế. Nó cho thấy gốc của phiền não không nằm ở hành vi bên ngoài, mà ở sự vận hành vi tế của tâm thức. Nếu chỉ xử lý biểu hiện cuối cùng mà không dừng được vọng tưởng, thì chuỗi phiền não vẫn tiếp tục sinh khởi. Vì toàn bộ tiến trình này đều là các pháp do duyên mà có, nên không mang bản chất bất biến.

Chính vì là duyên sinh nên có thể được nhận diện, ngăn chặn và chuyển hóa ngay từ những mắt xích đầu tiên. Điều này phù hợp với nguyên lý căn bản mà đức Phật thường dạy: "*Do cái này có mặt, cái kia có mặt, Do cái này sinh, nên cái kia sinh...*"[12]. Hơn nữa, vô ngã được hiển lộ ở chỗ là không có một chủ thể

cố định đứng sau điều khiển toàn bộ tiến trình, mà chỉ là sự tiếp nối của các trạng thái tâm tùy thuộc điều kiện. Chính vì mọi hiện tượng đều do duyên sinh nên chúng không có tự tính (niḥsvabhāva) và cũng không thể là một bản ngã độc lập.

Một cư sĩ đang học tại Học viện, khởi vọng tưởng về sự học giỏi của mình sẽ kéo theo tư duy tầm so sánh với những học viên khác, tạo nên dục vọng khẳng định "*cái tôi*" giỏi giang, dẫn đến mắt xích ưa ghét thích người tán dương mình và oán ghét người nổi trội hơn. Khi thấy người khác được tuyên dương, ngã mạn tổn thương sinh ra tâm tật đố, kết hợp với xan tham muốn độc chiếm vị trí cao nhất, cuối cùng biến thành hận thù.

Tóm lại, đoạn này trong kinh trình bày phiền não như một chuỗi duyên khởi có tầng bậc rõ ràng, qua đó làm nổi bật tính vô ngã và khả năng chuyển hóa của tâm.

2.3 Quán sát cảm thọ và con đường tu tập

Bản kinh chuyển từ phân tích nguyên nhân phiền não sang chỉ bày phương pháp thực hành, bắt đầu từ việc quán sát cảm thọ (hỷ, ưu, xả).

Trích dẫn kinh: "*Này Thiên chủ, Ta nói hỷ có hai loại ... Ta nói ưu cũng có hai loại... Ta nói xả cũng có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa*"[13].

Và đức Phật dạy tiếp: "*Khi tôi theo hỷ này, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy giảm, thời hỷ ấy nên tránh xa... Khi tôi theo hỷ này, bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng, thời hỷ ấy nên theo*"[14]. Và tương tự đối với ưu thọ và xả thọ, đức Phật đều lấy sự tăng trưởng hay suy giảm của thiện pháp và bất thiện pháp làm tiêu chuẩn để lựa chọn và điều phục. Đức Phật nhấn mạnh thêm: "*Các loại hỷ..., ưu..., xả... không câu hữu với tầm, không câu hữu với tứ thì thù thắng hơn*".

Không phải cảm thọ nào cũng đáng theo. Một cảm thọ chỉ có giá trị khi nó đưa đến sự tăng trưởng thiện pháp. Ngược lại, nếu nó làm mạnh thêm ngã mạn, tham ái hay phóng dật, thì cần phải buông bỏ. Ở đây, Đức Phật dùng chính kết quả tu tập làm tiêu chuẩn để đánh giá cảm thọ.

Điểm đáng lưu ý của đoạn kinh này là ở chỗ cảm thọ không bị xem như thực thể nội tại của "*tôi*", mà như một hiện tượng sinh diệt do điều kiện. Đây chính là cách nhìn duyên khởi, cảm thọ sinh khởi khi duyên hội đủ và thay đổi khi duyên đổi thay. Khi biết quán sát như vậy, cảm thọ không còn là đối tượng để chấp thủ, mà trở thành đối tượng để chính niệm. Từ đó, vô ngã không chỉ là lý thuyết, mà trở thành kinh nghiệm sống: cái vui, cái buồn, cái trung tính đều không phải

“tôi”, cũng không phải “*của tôi*”. Nhờ vậy, tâm dần thoát khỏi sự lôi kéo của phản ứng nhị nguyên.

Mặt khác, vọng tưởng luôn bám vào các cảm thọ để sinh sôi. Khi một niềm vui (hỷ) khởi lên do thỏa mãn danh vọng ích kỷ thì các bất thiện pháp sẽ tăng trưởng. Ngược lại, nếu đó là niềm vui phát sinh từ sự định tĩnh, ly dục sẽ giúp tâm thức thoát khỏi sự nhiễu loạn của tư duy nhị nguyên, làm lắng dịu các vọng tưởng. Cụ thể, trích dẫn kinh minh họa: “*Này Thiên chủ, vị Tỳ-kheo phải chứng đạt như vậy, phải thành tựu con đường như vậy mới thích hợp và hướng đến diệt trừ vọng tưởng*”[15].

Trường hợp khi làm một việc thiện và nhận được lời khen, khởi lên sự hoan hỷ. Nếu tỉnh giác nhận ra niềm vui này đang đi kèm với sự tự mãn (bất thiện pháp tăng trưởng), cần tránh xa trạng thái tâm đó. Nếu hướng niềm vui đó vào sự an tịnh và tinh tấn tu tập (thiện pháp tăng trưởng), đó là cảm thọ cần được theo.

Vì vậy, quán sát cảm thọ giúp không đồng nhất mình với trạng thái tâm đang sinh khởi, qua đó từng bước thể nghiệm tính vô ngã của các pháp.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh hoạ (sưu tầm).

2.4 Biệt giải thoát luật nghi và khẩu hành, thân hành, tầm cầu

Từ việc điều phục các trạng thái cảm thọ nội tâm, bản kinh mở rộng sang điều phục đối với ba phương diện: thân hành, khẩu hành và tầm cầu.

Trích dẫn kinh: Khi được Thiên chủ Sakka hỏi về cách thành tựu biệt giải thoát luật nghi, đức Phật dạy: *"Này Thiên chủ, Ta nói rằng thân hành có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Này Thiên chủ, Ta nói rằng khẩu hành có hai loại... Ta nói rằng tầm cầu cũng có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa"*[16].

Nguyên lý lựa chọn vẫn dựa trên việc quán sát: "*Khi tôi theo thân hành/khẩu hành/tầm cầu này, bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng...*".

Biệt giải thoát luật nghi là phương pháp phòng hộ và điều chỉnh các hành vi của thân, lời nói và các xu hướng mong cầu bên trong. Không phải hành vi nào cũng có giá trị như nhau, điều cần xét là hành vi ấy có làm tăng trưởng thiện pháp hay không.

Ở đây, duyên khởi được triển khai từ nội tâm ra hành động. Thân hành, khẩu hành và tầm cầu đều không phải những biểu hiện độc lập, mà là kết quả của tâm thức đang vận hành theo các duyên nhất định. Vì vậy, muốn chuyển hóa hành vi, phải chuyển hóa từ chỗ tâm đang hướng về đâu. Đồng thời, vô ngã được thấy rõ ở chỗ thân, lời nói và xu hướng tìm cầu đều không phải là "*cái tôi*", mà chỉ là những dòng hoạt động có thể được huấn luyện và điều phục. Khi người tu không còn để thân khẩu ý chạy theo bản năng, mà biết chọn lựa theo trí tuệ, đời sống đạo đức mới có nền tảng vững chắc.

Ví như một người chọn lựa phát ngôn những lời chân thật, hòa nhã (khẩu hành nên theo) thay vì những lời nói gây chia rẽ, thù hận (khẩu hành nên tránh xa), đồng thời từ bỏ việc tìm kiếm các phương tiện sinh kế bất chính (tầm cầu nên tránh xa).

2.5 Hộ trì sáu căn và đoạn tận khát ái

Luận cứ cuối cùng thiết lập mối liên hệ trực tiếp giữa việc hộ trì sáu căn với việc đoạn tận tham ái (khát ái) đích đến tối hậu của lộ trình giác ngộ.

Trích dẫn kinh: Đức Thế Tôn giảng giải về việc sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) tiếp xúc với sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) thành hai loại nên theo và tránh xa. Bản kinh nhấn mạnh: "*Này Thiên chủ, chỉ những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đã giải thoát tham ái, những vị ấy mới đồng một cứu cánh, đồng một an ổn, đồng một phạm hạnh, đồng một mục đích"*[17]. Và khi tham ái được nhổ lên, đạt đến sự đoạn trừ hoàn toàn nghi ngờ, đạt đến an ổn tuyệt đối.

Sự thành tựu đạt được khi sáu cửa ngõ cảm giác được hộ trì hoàn toàn. Từ đó, cắt đứt dòng chảy của tham ái (Taṇhā) mũi tên độc dắt dẫn con người luân hồi hết đời này sang đời khác. Như trong kinh Tương Ưng Bộ, Kinh Con Rùa, đức

Phật dạy: "*Này các Tỷ-kheo, khi nào các Ông sống hộ trì các căn, thời Ác ma nhàm chán các Ông và sẽ bỏ đi, không nắm giữ được cơ hội, như con dã can đối với con rùa*"[18]. Đức Phật lấy ví dụ con rùa khôn ngoan, khi gặp dã can thì rút chân và đầu cổ vào trong mai để khỏi bị dã can giết hại, để khuyên dạy chúng ta hãy hộ trì các giác quan khi các giác quan tiếp xúc với các đối tượng để khỏi bị "*ác ma*" gây nên tai họa.

Đây là nơi tinh thần duyên khởi và vô ngã gặp nhau rất rõ. Tham ái sinh khởi vì có sự tiếp xúc, cảm thọ và chấp thủ; nhưng khi thấy rõ mọi tiếp xúc chỉ là tiến trình do duyên, không có một cái tôi cố định cần được thỏa mãn, thì tham ái mất dần chỗ dựa. Hộ trì sáu căn vì thế không phải là sự né tránh cuộc sống, mà là phương pháp thực hành để không tạo thêm điều kiện cho vô minh và chấp ngã tiếp tục vận hành. Khi các căn được phòng hộ, tâm trở nên tĩnh lặng hơn, và tuệ giác vô ngã mới có thể hiển lộ trọn vẹn.

Trường hợp ba vị Tỷ-kheo tu phạm hạnh nhưng thọ hưởng năm món dục, dẫn đến việc sinh vào Càn Thát Bà giới hạ đẳng, được bản kinh nêu ra. Dựa trên lời trách mắng của Thiên tử Gopakā, tiền kiếp là Thích nữ Gopikā chuyển đổi tâm niệm, hai vị Tỷ-kheo đã cảnh tỉnh và chứng chính niệm để sinh làm phụ tá Phạm thiên, còn vị thứ ba vẫn tiếp tục hưởng dục lạc.

Rõ ràng, sự hộ trì sáu căn là bước thực hành quyết định để chấm dứt sự nuôi lớn tham ái. Qua đó đưa đến gần hơn với con đường giải thoát.

3. Thảo luận dưới góc nhìn Phật giáo

3.1 Duyên khởi và tính vô tự tính

Bản kinh cho thấy các trạng thái tâm đều là pháp duyên sinh, không có tự tính cố định. Tật đố, xan tham, ưa ghét, dục, tầm và vọng tưởng đều được mô tả như những mắc xích nối tiếp nhau trong chuỗi nhân duyên. Nếu đã là duyên sinh thì không có pháp nào tự tồn tại độc lập. Mỗi trạng thái tâm chỉ xuất hiện khi đủ điều kiện, và sẽ chấm dứt khi điều kiện tan rã. Điều này làm nổi bật chiều sâu của giáo lý duyên khởi trong kinh. Hận thù không phải định mệnh, mà là tiến trình có thể chuyển hóa. Khi hiểu được cơ chế này, không còn xem phiền não như cái gì bất biến của mình, mà như một hiện tượng có thể quan sát và đoạn trừ. Một cảm xúc bùng lên vì một lời nói xúc phạm có thể tan đi nếu người ấy dừng suy diễn và không tiếp tục nuôi dưỡng nó. Điều đó cho thấy cảm xúc không phải bản chất cố định. Cho nên, duyên khởi cho thấy mọi tâm bất thiện đều có thể chuyển hóa vì chúng không có tự tính.

3.2 Vô ngã và con đường giải thoát

Giáo lý vô ngã là nền tảng giúp phá trừ chấp thủ và đi vào giải thoát. Trong Kinh Vô Ngã Tướng, năm uẩn đều được khẳng định là vô ngã, còn trong Kinh Đế-thích sở vấn, đức Phật dạy con đường điều phục cảm thọ, hộ trì các căn và đoạn tận tham ái để đạt cứu cánh giải thoát. Khi không còn chấp năm uẩn là "*tôi*" hay "*của tôi*", tâm không còn phải bảo vệ bản ngã một cách căng thẳng. Do đó, tham ái, tật đố và xan tham cũng mất dần chỗ nương tựa. Bản kinh không trình bày vô ngã như một khái niệm trừu tượng, mà đặt nó trong tiến trình tu tập rất cụ thể là khi quán sát cảm thọ, điều phục hành vi, phòng hộ sáu căn. Đây là điểm khiến kinh có giá trị thực hành. Một người bớt chấp vào lời khen, lời chê, bớt xem thành bại là sự xác nhận bản ngã, thì người ấy sống nhẹ nhàng hơn và ít bị phiền não chi phối hơn. Vì vậy, vô ngã trong bản kinh được thể hiện bằng con đường tu tập cụ thể, nhằm phá chấp thủ và hướng đến giải thoát.

III. Kết luận

Kinh Đế-thích sở vấn cho thấy hận thù, tranh chấp và bất an không phải là hiện tượng ngẫu nhiên, mà khởi lên từ một chuỗi duyên khởi của tâm, bắt đầu từ vọng tưởng, tầm, dục, ưa-ghét, rồi dẫn đến tật đố và xan tham. Bằng cách truy nguyên tiến trình ấy, bản kinh làm nổi bật rằng phiền não không có tự tính cố định, mà chỉ vận hành khi đủ duyên và có thể được chuyển hóa khi các duyên ấy được điều phục.

Từ đó, đức Phật chỉ bày con đường tu tập cụ thể: quán sát và phân biệt cảm thọ, điều phục thân hành, khẩu hành, tầm cầu, hộ trì sáu căn và đoạn tận tham ái. Nhờ vậy, giáo lý duyên khởi và vô ngã không chỉ được nêu như nguyên lý tư tưởng, mà còn trở thành nền tảng thực hành để đoạn trừ chấp thủ, chuyển hóa phiền não và hướng đến giải thoát.

Tác giả: **Thiện Thanh**[1]

Chú thích:

[1] NCS.Trần Quốc Hưng, Học viện Phật giáo Việt Nam, tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Thích Bửu Chính (2023), Giáo trình Vi diệu pháp sơ cấp, Nxb. Tôn Giáo, tr.44.

[3] Thích Minh Châu (dịch) (2017), Kinh Pháp Cú, Nxb. Hồng Đức, tr.144.

[4] Từ điển Phật học online, tra từ "xan tham", https://phatgiao.org.vn/tu-dien-phat-hoc-online/xan-tham-k45137.html

[5] Thích Minh Châu (dịch) (2020), Kinh Tăng Chi Bộ, Chương V: Năm pháp, phẩm Cụ túc giới, Kinh Năm Loại Xan Tham, Nxb. Hồng Đức, tr.703.

[6] Từ điển Phật Quang online, tra từ "duyên khởi", https://rongmotamhon.net/tu-dien_thuat-ngu_lmdqdpct_rong-mo-tam-hon.html#3.

[7] Thích Minh Châu (dịch) (2020), Kinh Trung Bộ, Kinh Đa giới, Nxb. Hồng Đức, đoạn 126, tr.897.

[8] Chân Nguyên (chủ biên) (2001), Từ điển Phật học, Bản điện tử, Tr.542.

[9] Thích Minh Châu (dịch) (2020), Kinh Tương Ưng Bộ, Kinh Vô Ngã Tướng, Nxb. Hồng Đức, tr.562-563.

[10] Thích Minh Châu (dịch) (2020), Kinh Trường Bộ, Kinh Đế-thích sở vấn, Nxb. Hồng Đức, đoạn 357, tr.379.

[11] Thích Minh Châu (dịch) (2020), Kinh Trường Bộ, Kinh Đế-thích sở vấn, Nxb. Hồng Đức, đoạn 358, tr.379-380.

[12] Thích Minh Châu (dịch) (2020), Kinh Tương Ưng Bộ: Thiên Nhân Duyên, Tương Ưng Nhân Duyên, Phẩm Mười Lực, Kinh Mười lực, Nxb. Hồng Đức, tr.309.

[13] Thích Minh Châu (dịch) (2020), Kinh Trường Bộ, Kinh Đế-thích sở vấn, Nxb. Hồng Đức, đoạn 359, tr.380.

[14] Thích Minh Châu (dịch) (2020), Sđd, đoạn 360, tr.380.

[15] Thích Minh Châu (dịch) (2020), Kinh Trường Bộ, Kinh Đế-thích sở vấn, Nxb. Hồng Đức, đoạn 362, tr.380.

[16] Thích Minh Châu (dịch) (2020), Kinh Trường Bộ, Kinh Đế-thích sở vấn, Nxb. Hồng Đức, đoạn 364, tr.381.

[17] Thích Minh Châu (dịch) (2020), Kinh Trường Bộ, Kinh Đế-thích sở vấn, Nxb. Hồng Đức, đoạn 366, tr.383.

[18] Thích Minh Châu (dịch) (2020), Kinh Tương Ưng Bộ, Tập IV, Thiên Sáu Xứ, Kinh con Rùa, Nxb. Hồng Đức, tr.849.

Tài liệu tham khảo:

1. Chân Nguyên (chủ biên) (2001), Từ điển Phật học, Bản điện tử.

2. Thích Bửu Chính (2023), Giáo trình Vi diệu pháp sơ cấp, Nxb. Tôn Giáo.

3. Thích Minh Châu (dịch) (2017), Kinh Pháp Cú, Nxb. Hồng Đức.

4. Thích Minh Châu (dịch) (2020), Kinh Tăng Chi Bộ, Nxb. Hồng Đức.

5. Thích Minh Châu (dịch) (2020), Kinh Trung Bộ, Nxb. Hồng Đức.

6. Thích Minh Châu (dịch) (2020), Kinh Trường Bộ, Nxb. Hồng Đức.

7. Thích Minh Châu (dịch) (2020), Kinh Tương Ưng Bộ, Nxb. Hồng Đức.

8. Từ điển Phật học online, tra từ "xan tham", https://phatgiao.org.vn/tu-dien-phat-hoc-online/xan-tham-k45137.html Truy cập ngày 01-07-2026

9. Từ điển Phật Quang online, tra từ "duyên khởi", https://rongmotamhon.net/tu-dien_thuat-ngu_lmdqdpct_rong-mo-tam-hon.html#3 Truy cập ngày 01-07-2026